

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thước

Ông Phạm Văn Ty

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Đội 14, xã K, huyện K1, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, nơi cư trú: Thôn N, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 7 năm 2014. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn N, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, nên thường xuyên xảy ra va

chạm đánh cãi chửi nhau. Anh Đ có hành vi bạo lực với chị làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại chị đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị ở huyện K, tỉnh Hải Dương, sống ly thân với anh Đ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2015. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của anh và chị V theo như chị V đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có sự nghi ngờ nhau về tình cảm nên có xảy ra xô sát. Anh cũng đã nói chuyện với chị V để vợ chồng hiểu nhau nhưng chị V không tiếp thu mà tự ý bỏ về cư trú tại nhà mẹ đẻ ở huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi chị V bỏ đi, anh có đi tìm song chị V không quay về đoàn tụ cùng anh. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2017 đến nay. Nay do vì các con chung còn nhỏ nên chị V xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị V có hai con chung theo như lời khai chị V đã trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị V ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng, anh yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con cho anh 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị V; giao các con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng; buộc chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng; không xem xét, giải quyết về tài sản. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Trần Thị V và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 7 năm 2014. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có nghi ngờ nhau về tình cảm, nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị V xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở chấp nhận. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh Đ cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải song anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc anh Đ không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2015. Chị V và anh Đ đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ 1.000.000 đồng/1 cháu/ 1 tháng. Xét thấy, quan điểm của chị V và anh Đ là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, và điểm đ, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung:* Giao các con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ 1.000.000 (Một triệu) đồng/1cháu/1tháng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 21 tháng 7 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước. Chị V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 15083 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Nên chị V phải nộp tiếp số tiền còn lại là 300.000 đồng.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã A1, huyện A, HP;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

